

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 43/2023/HSST
Ngày 06/11/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Ba.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết.
2. Ông Phan Xuân Thắng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam– Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2023/HSST ngày 04/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-HS ngày 26/10/2023 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn H, sinh năm 1969 tại huyện V, tỉnh B. Nơi cư trú: Thôn 5, xã K, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk. nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: lớp 02/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn T1 (đã chết) và con bà Trần Thị H1 (đã chết); vợ là Giang Thị T2, sinh năm 1969 (chung sống như vợ chồng đến năm 2020) và 03 con (con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1992); tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 12/3/2020 bị Công an xã K ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc” đã hết thời gian được coi là bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 07/7/2023 đến ngày 11/7/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang tại ngoại- có mặt.

2. Lê Văn P, sinh năm 1962 tại: huyện P, tỉnh T. Nơi cư trú: Tổ dân phố 12, phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: lớp 05/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; con ông Lê T3 (đã chết) và con bà Trần Thị S (đã chết); vợ là Hồ Thị M1, sinh năm 1969 và có 02 con (con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1995); tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 07/7/2023 đến ngày 11/7/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang tại ngoại- có mặt.

3. Nguyễn Văn X, sinh năm 1974 tại: huyện M, tỉnh D. Nơi cư trú: Thôn H, xã K, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: lớp 09/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và con bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1936; vợ là Đỗ Thị V, sinh năm 1978 và có 04 con (con lớn sinh năm 1998 (đã chết) con nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 27/3/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội “Đánh bạc”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định khác của bản án nên đã được xóa án tích.

Bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 07/7/2023 đến ngày 11/7/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang tại ngoại- có mặt.

4. Nguyễn Văn M, sinh năm 1984 tại: huyện M, tỉnh D. Nơi cư trú: thôn 3, xã C huyện EK, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1960 và con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962; vợ là Vũ Thị D1, sinh năm 1985 và có 03 con (con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 07/7/2023 đến ngày 11/7/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang tại ngoại- có mặt.

5. Bùi Ngọc C, sinh năm 1973 tại: huyện Q, tỉnh B. Nơi cư trú: Thôn 5, xã K, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: lớp 03/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Bùi Ngọc C1, sinh năm 1945 và con bà Nguyễn Thị T3 (đã chết); vợ là Đỗ Thị L2, sinh năm 1979 và có 02 con (con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2006); tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 12/3/2020 và ngày 04/5/2020, đều bị Công an xã K ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc” đã hết thời gian được coi là bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 07/7/2023 đến ngày 11/7/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang tại ngoại- có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Giang Thị T2, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Thôn 5, xã K, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt.

- **Người làm chứng:** Ông Đàm Ngọc L2, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Thôn 5, xã EK, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 45 phút ngày 07/7/2023, Nguyễn Văn X, Lê Văn P, Nguyễn Văn M và Bùi Ngọc C đi đến quán nhậu của Trần Văn H (thuộc thôn 5, xã EK, huyện EK) chơi. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày X, P, M và C rủ nhau chơi

đánh bạc bằng hình thức đánh Phỏm được thua bằng tiền rồi hỏi xin H mượn góc gian bán hàng làm địa điểm đánh bạc thì H đồng ý và nhờ H đi mua 02 bộ bài tứ lơ khơ. Sau khi H mua bài về, H trải một chiếu nhựa xuống góc gian bán hàng, đặt 01 chiếc chần lên trên chiếu rồi bỏ 02 bộ bài tứ lơ khơ lên trên thì X, P, M và C cùng nhau ngồi xuống chiếu để đánh bạc còn H ngồi bên cạnh để xem. Cách thức đánh bài Phỏm được thống nhất: Mỗi ván chơi mỗi người được chia 09 lá bài, riêng người chia bài được chia 10 lá bài (để đánh đầu tiên không cần bốc bài); người có bài về nhất được ăn tiền của ba người còn lại, trong đó người có bài về nhì phải bỏ ra số tiền 50.000^d, người có bài về ba phải bỏ ra số tiền 100.000^d và người có bài về cuối phải bỏ ra số tiền 150.000^d; khi người có bài bị cháy (tức là không có phỏm) phải trả cho người có bài về nhất số tiền 200.000^d; trường hợp người có bài về ù (tức là 03 phỏm) thì 03 người còn lại mỗi người phải bỏ ra số tiền 250.000^d cho người có bài ù và người có bài ù phải bỏ ra số tiền 20.000^d gọi là tiền xâu để đưa cho H; trường hợp người có bài về ù tròn (tức là 03 phỏm tròn) thì 03 người còn lại mỗi người phải bỏ ra số tiền 500.000^d cho người có bài ù và người có bài ù phải bỏ ra số tiền 50.000^d tiền xâu cho H. Ngoài ra, X, P, M, C còn dùng bộ bài tứ lơ khơ thứ 2 để bốc 01 lá bài là bài “cá”, nếu ai có bài cá chất cơ hoặc có lá bài cá lớn hơn thì thắng những người còn lại phải bỏ ra số tiền 50.000^d. Khi tham gia đánh bạc: X dùng số tiền 3.000.000^d; Lê Văn P dùng số tiền 2.560.000^d; Bùi Ngọc C dùng số tiền 2.620.000^d và Nguyễn Văn M không mang theo tiền, M tham gia đánh bạc và thắng ván bài đầu tiên nên có tiền để tiếp tục tham gia đánh bạc. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, khi X, P, M và C đang đánh bạc, H đang ngồi xem thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar phát hiện bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc số tiền là 8.180.000^d, trong đó thu giữ: tại vị trí của X là 4.050.000^d, tại vị trí của P là 2.200.000^d, tại vị trí của M là 1.100.000^d, tại vị trí của C là 750.000^d và số tiền 80.000^d tiền xâu.

Vật chứng thu giữ: thu trên chiếu bạc số tiền 8.180.000^d; 02 bộ bài tứ lơ khơ 52 lá bài; 01 chiếu nhựa màu xanh, kích thước 1.8m x 2m và 01 chần màu trắng kích thước 1.8m x 2.1m.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐ 334 ngày 25/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ea Kar kết luận: giá trị căn phòng bán hàng mà bị cáo Trần Văn H sử dụng làm địa điểm đánh bạc là 51.513.000^d (Năm mươi một triệu năm trăm mười ba nghìn đồng).

- Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn H, Lê Văn P, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn X và Bùi Ngọc C đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã truy tố và biên bản bắt người phạm tội quả tang. Các bị cáo P, M, X, C đều xác định các bị cáo cùng rủ nhau chơi đánh bạc và mượn gian bán hàng của bị cáo H làm địa điểm đánh bạc thì bị cáo H đồng ý nên bị cáo H chuẩn bị các công cụ phạm tội nhưng không tham gia đánh bạc; khi tham gia đánh bạc X dùng số tiền 3.000.000^d; P dùng số tiền 2.560.000^d; C dùng số tiền 2.620.000^d và M không mang theo tiền, M tham gia đánh bạc và thắng ván bài đầu tiên nên có tiền để tiếp tục tham gia đánh bạc và H thu tiền xâu. Khi bị bắt quả tang, cơ quan điều tra Công an huyện Ea Kar thu trên chiếu bạc số tiền là 8.180.000^d (tám triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

Đối với hành vi của Trần Văn H sử dụng phòng bán hàng cho X, P, M và C làm địa điểm đánh bạc ăn thua bằng tiền nhằm mục đích thu tiền xâu với số tiền xâu thu được là 80.000^d chưa đủ định lượng cấu thành tội Gá bạc theo quy định tại Điều 322 Bộ luật hình sự nhưng đồng phạm trong tội Đánh bạc là phù hợp.

Tại bản cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 02/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã truy tố: các bị cáo Trần Văn H, Lê Văn P, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn X và Bùi Ngọc C về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar thực hành quyền công tố luận tội: Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”. Do đó giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H, Lê Văn P, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn X và Bùi Ngọc C phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Trần Văn H từ 21 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ được khấu trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 07/7/2023 đến ngày 11/7/2023.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Nguyễn Văn X từ 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam giữ được khấu trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 07/7/2023 đến ngày 11/7/2023.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

+ Bùi Ngọc C từ 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 07/7/2023 đến ngày 11/7/2023.

+ Lê Văn P từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 07/7/2023 đến ngày 11/7/2023.

+ Nguyễn Văn M từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 07/7/2023 đến ngày 11/7/2023.

Đề nghị Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước tổng số tiền do phạm tội mà có là 8.180.000^d (tám triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

- Truy thu buộc bị cáo Trần Văn H phải nộp để sung công quỹ Nhà nước ½ giá trị căn phòng bán quán mà các bị cáo dùng làm nơi đánh bạc với số tiền là 25.756.500^d.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếu nhựa màu xanh, kích thước 1.8mx2m và 01 chăn màu trắng kích thước 1.8mx2.1m; 02 (hai) bộ bài tú lơ khơ 52 lá bài đã qua sử dụng là công cụ dùng phạm tội.

Các bị cáo đều đồng ý với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar và không tranh luận gì.

Tại phần lời nói sau cùng 05 (năm) bị cáo đều tỏ thái độ ăn năn và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng và Quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Ea Kar, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của các bị cáo Trần Văn H, Lê Văn P, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn X và Bùi Ngọc C tại phiên tòa, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Với mục đích nhằm thu lợi bất chính nên khoảng 09 giờ 45 phút ngày 07/7/2023, bị cáo Lê Văn P, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn X và Bùi Ngọc C cùng rủ nhau chơi đánh bạc bằng hình thức đánh bài Phỏm được thua bằng tiền và mượn phòng bán hàng của nhà bị cáo Trần Văn H tại thôn 5, xã EK, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk làm địa điểm đánh bạc thì bị cáo H đồng ý. Đối với bị cáo H không tham gia đánh bạc nhưng mục đích bị cáo cho mượn phòng bán hàng của mình làm địa điểm đánh bạc để thu tiền xâu và chuẩn bị các công cụ để đánh bạc. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, bị Công an huyện Ea Kar bắt quả tang và thu trên chiếu bạc (bao gồm cả tiền xâu) tổng số tiền là 8.180.000^d (Tám triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng là khách thể được pháp luật đặc biệt quan tâm bảo vệ, các bị cáo thực hiện hành vi bởi lỗi cố ý trực tiếp.

Do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đối với các bị cáo Trần Văn H, Lê Văn P, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn X và Bùi Ngọc C về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bởi trước và trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự phân công vai trò, nhiệm vụ cho từng đối tượng. Tuy nhiên, vai trò của các bị cáo

có sự khác nhau, cụ thể: bị cáo Trần Văn H là người dùng nơi ở của mình để đánh bạc, chuẩn bị các công cụ phạm tội như bộ bài tú lơ khơ 52 lá, chiếu, chăn để đánh bạc. Bị cáo Lê Văn P, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn X và Bùi Ngọc Cường đều là người thực hành. Trong đó, bị cáo X là bị cáo dùng số tiền để đánh bạc nhiều nhất là 3.000.000^d, tiếp theo là bị cáo C và bị cáo P, còn bị cáo M không mang theo tiền.

Nhân thân: Đối với bị cáo Nguyễn Văn X, ngày 27/3/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 09 (chín) tháng tù H cho hưởng án treo, về tội “Đánh bạc”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định khác của bản án nên đã được xóa án tích. Đối với bị cáo Bùi Ngọc C ngày 12/3/2020 và ngày 04/5/2020, bị Công an xã K ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc; bị cáo Trần Văn H ngày 12/3/2020 bị Công an xã K ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, tính đến thời điểm phạm tội các bị cáo đều được coi là chưa bị xử phạt hành chính. Do đó, xác định bị cáo X, C và H có nhân thân xấu. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, vai trò đối với mỗi bị cáo nhằm tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Xét nhân thân bị cáo H, P, M, C đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, cả năm bị cáo đều thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đối với bị cáo H có bố đẻ là ông Trần Văn T1 là thương binh là người có công với cách mạng; bị cáo X có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, bản thân theo giấy ra viện của Bệnh viện đa khoa Thiện Hạnh chuẩn đoán bị **ung thư vòm mũi** và gia đình thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Chính phủ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ một phần hình phạt được quy định tại các điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với mỗi bị cáo tương ứng với tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc không lớn, vượt mức tối thiểu phải chịu trách nhiệm hình sự không nhiều. Do đó, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng hình phạt cho các bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú, cũng đảm bảo tính giáo dục riêng và ngăn ngừa chung cho xã hội là phù hợp, cần chấp nhận.

Xét mức thu nhập: Cả 05 bị cáo đều có điều kiện khó khăn nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[5] *Về xử lý vật chứng:*

- Đối với 02 (hai) bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá bài đã qua sử dụng, 01 (một) chiếu nhựa màu xanh kích thước (1.8x2)m và 01 (một) chăn màu trắng kích thước (1.8x2.1)m có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/10/2023 giữa Công an huyện Ea Kar và Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar là công cụ dùng phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền thu trên chiếu bạc là 8.180.000^d (tám triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) là số tiền do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước theo biên lai thu tiền số 5968 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

- Đối với căn phòng bán hàng mà bị cáo H dùng làm nơi đánh bạc, đây là tài sản chung của bị cáo H và bà Giang Thị T2 tạo lập trong thời gian chung sống với nhau. Tuy nhiên, thời điểm bị cáo H dùng phòng bán hàng này làm địa điểm đánh bạc thì bà T2 không có mặt tại địa phương và không biết sự việc. Do đó, cần truy thu sung công quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị căn phòng bán quán mà bị cáo H dùng làm nơi đánh bạc là 25.756.500^d.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Đối với bị cáo Nguyễn Văn X thuộc hộ cận nghèo nên miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn M, Lê Văn P và Bùi Ngọc C phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự.

1. Xử phạt: Trần Văn H: 20 (hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 07/7/2023 đến ngày 11/7/2023 là 04 ngày bằng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo H còn phải chấp hành 19 (mười chín) tháng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk nhận được Quyết định thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự.

2. Xử phạt: Nguyễn Văn X: 20 (hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 07/7/2023 đến ngày 11/7/2023 là 04 ngày bằng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo X còn phải chấp hành 19 (mười chín) tháng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk nhận được Quyết định thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự.

3. Xử phạt: Bùi Ngọc C: 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 07/7/2023 đến ngày 11/7/2023 là 04 ngày bằng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo C còn phải chấp hành 17 (mười bảy)

tháng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk nhận được Quyết định thi hành án.

4. Xử phạt: Lê Văn P: 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 07/7/2023 đến ngày 11/7/2023 là 04 ngày bằng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo P còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk nhận được Quyết định thi hành án.

5. Xử phạt: Nguyễn Văn M: 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 07/7/2023 đến ngày 11/7/2023 là 04 ngày bằng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo M còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk nhận được Quyết định thi hành án.

Các bị cáo được miễn khấu trừ thu nhập.

Giao các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn X và Bùi Ngọc C cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Văn M cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Lê Văn P cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 4 giờ trong một ngày và không quá 5 ngày trong 01 tuần.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước tổng số tiền sử dụng vào việc phạm tội là 8.180.000^d (tám triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 5968 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá bài đã qua sử dụng, 01 (một) chiếu nhựa màu xanh kích thước (1.8x2)m và 01 (một) chăn màu trắng kích thước (1.8x2.1)m là công cụ dùng phạm tội có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/10/2023 giữa Công an huyện Ea Kar và Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

- Truy thu buộc bị cáo Trần Văn H phải nộp để sung công quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị căn phòng bán quán với số tiền là 25.756.500^d (Hai mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ Khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn M, Lê Văn P và Bùi Ngọc C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn X.

Quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đắk Lắk.
- Vụ giám đốc kiểm tra 1-TAND Tối cao.
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk.
- VKSND huyện Ea Kar.
- Chi cục THADS huyện Ea Kar.
- Công an huyện Ea Kar.
- Cơ quan THAHS huyện Ea Kar.
- Các bị cáo-đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Thu Ba

